

Số: 125/2021/QĐST-DS

CL, ngày 22 tháng 09 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 09 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1964; địa chỉ ấp H2, xã VH, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Trương Thị L - sinh năm 1975; địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT.

Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1968; địa chỉ: ấp ĐT, xã TA, huyện MCB, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông N: bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp ĐT, xã TA, huyện MCB, tỉnh BT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Nh, sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT.

Ông Trần Kiều P, sinh năm: 1963; địa chỉ: kp4, p 7, thành phố BT, tỉnh BT (Ông P ủy quyền cho ông Thái Điền Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: 341/M9

LLQ, p 5, q 11, thành phố HCM; Nơi cư trú hiện nay: 270 ấp TT, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT).

Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp ĐT, xã TA, huyện MCB, tỉnh BT.

Ông Phan Đức T - Công chứng viên thuộc văn phòng công chứng Phan Đức T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức T: ông Trần Quốc T2, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp THN, xã TPT, huyện MCB, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trương Thị L, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị Thu T và ông Trần Kiều P đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 11/01/2021 giữa ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị Thu T với ông Trần Kiều P và hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trương Thị L với ông Nguyễn Văn N xác lập ngày 23/11/2020.

Ông Trần Văn K đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị Thu T là 1.100.000.000đ (một tỉ một trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị Thu T đồng ý liên đới trả lại cho ông Kiều P là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu).

Bà Trương Thị L đồng ý để cho ông Trần Văn K đứng tên và có toàn quyền quyết định định đoạt đối với phần đất thuộc thửa thửa đất 354, tờ bản đồ 11 xã VH bà không tranh chấp về sau.

Ông Trần Kiều P đồng ý trả lại toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà một tầng cấp 04, huê lợi trên đất và làm thủ tục sang tên cho ông Trần Văn K phần đất thuộc thửa thửa đất 354, tờ bản đồ 11, tọa lạc xã VH có tứ cận:

Đông giáp thửa 225 tờ bản đồ 11 của Lê Văn Đ;

Tây, Nam, Bắc giáp rạch. Có họa đồ kèm theo.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi lại đất giữa ông Nguyễn Văn N với ông Trần Văn K, bà Trương Thị L do bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận.

Ông Trần Văn K, bà Trương Thị L, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị Thu T, ông Trần Kiều P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với nội dung các đương sự đã thỏa thuận.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Các bên thỏa thuận ông Trần Văn K sẽ chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng.

Ông Trần Văn K đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ án phí không có giá ngạch là 600.000đồng và án phí có giá ngạch của 1.780.000.000đồng là 32.700.000đ, tổng cộng là 33.300.000đồng. Số tiền ông K nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004625 ngày 24/02/2021 và ngày 30/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Như vậy, ông K còn phải nộp thêm 32.700.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N 600.000đ mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000889 ngày 30/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CL.

Hoàn trả lại cho ông Trần Kiều P 300.000đ mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008725, ngày 14/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Ghi nhận việc ông Trần Văn K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.945.000đ (ông K đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG

